

NGŨ VĂN 6_ TUẦN 19

HOẠT ĐỘNG ĐỌC VĂN BẢN: CON GÁI CỦA MẸ

I. Trải nghiệm cùng văn bản

1. Đọc

2. Chú thích

II. Suy ngẫm và phản hồi

1. Ấn tượng chung về văn bản

- Ấn tượng về hành động của thầy giáo Phu: Nghiêm khắc, gần gũi, biết nhận lỗi khi vô tình gây ra.

- Ấn tượng về con dê lửa:

+ Cho chúng ta cảm nhận được tình cảm của nhân vật.

+ Tạo ra sự thay đổi của thầy Phu.

+ Là nhân vật gây ra sự chia rẽ.

-Kết thúc truyện:

+ Kết thúc buồn.

+ Thể hiện được tình yêu thương.

+ Thể hiện sự hối hận.

2. Tìm hiểu nhân vật Lợi

- Trong cuộc sống hàng ngày:

+ Trùm sò nổi tiếng trong lớp.

+ Chỉ nghĩ đến việc thu vén cá nhân.

+ Phải trả công đàn hoàng mới làm.

-> Lợi là đứa ích kỉ, khôn lỏi, luôn tìm cách thu lợi cho mình.

- Khi Lợi có con dê lửa:

+ Rất quý con đế.

+ Không đổi con đế bằng bất cứ giá nào.

→ **Trân trọng và coi con đế là báu vật.**

-Khi con đế lửa bị chết:

+ Lợi khóc rưng rức khi đón cái hộp diêm méo mó từ thầy.

+ Khóc như mưa bắc

+ Chôn đế dưới gốc cây bời lồi sau vườn.

+ Lợi đặt đế vào hộp các tông, chôn dưới gốc cây.

+ Cặm cùi sũa sang chiếc hộp cho ngay ngắn.

+ Lợi cắm lên mộ đế những nhánh cỏ tươi.

3. Tìm hiểu nhân vật đế lửa

a. Cách ứng xử của các bạn trong lớp và thầy giáo với đế lửa:

	Cách ứng xử của bạn học	Cách ứng xử của thầy Phu
	Biểu hiện	Biểu hiện
Khi đế lửa còn sống	-Các bạn tìm mọi cách để đổi được con đế bằng vật chất nhưng không được. ->Tức tối, ganh ghét với Lợi. - Các bạn tìm cách làm Lợi bị bẽ mặt, bằng một trò nghịch ngợm trong lớp, hộp đế của Lợi bị thu. ->Hả hê, vui sướng	-Thầy giận giữ khi phát hiện tiếng ồn trong lớp. -Tịch thu hộp đế. -> Nghiêm khắc.
Sau khi đế lửa chết	- Thấy lòng chùng xuống, chẳng thể nào sung sướng nổi.	-Áy náy, xin lỗi học trò vì hành động vô ý của mình. -Đến dự đám tang chú đế với một vòng hoa tím tím.

	- Cảm thấy tan nát cõi lòng, thấy ân hận, vì đã vô tình đã làm Lợi bị tổn thương. - Đào đất sâu và vuống vục. - Cả bọn xúm vào ném từng hòn sỏi lên quan tài, thi nhau lấp cho thật đầy. → Tác giả đã diễn tả tâm lí nhân vật đặc sắc, phù hợp với lứa tuổi trẻ thơ.	-Bùi ngùi xoa đầu của Lợi. -> Một người thầy tình cảm, sẵn sàng nhận lỗi sai trước học trò.
--	---	--

b. Ý nghĩa cái chết của nhân vật đế lửa

- Ban đầu đế lửa là nguyên nhân gây ra chia rẽ giữa Lợi và những người bạn
- Khi đế lửa chết đã giúp các các bạn, thầy Phu và Lợi xích lại gần nhau hơn.

=> Sự thay đổi góp phần thể hiện chủ đề của truyện: khẳng định ý nghĩa của sự cảm thông, thấu hiểu và tha thứ đối với cuộc sống của chúng ta.

4. Bài học về cách ứng xử trong cuộc sống

- Khi đánh giá người khác phải có cái nhìn khách quan, toàn diện.
- Cần tôn trọng người khác và những gì liên quan đến họ.
- Nên cẩn thận, thận trọng mọi lúc mọi nơi.
- Biết nhận sai và sửa lỗi sai.
- Cần yêu thương và bảo vệ động vật.

III. Tổng kết

- Nêu được ấn tượng chung về văn bản. Đặc điểm của các nhân vật trong truyện.
- Nhận biết được bài học về cách nghĩ và cách ứng xử gợi ra từ văn bản.

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT: DẤU NGOẶC KÉP; VĂN BẢN VÀ ĐOẠN VĂN (ĐẶC ĐIỂM VÀ CHỨC NĂNG)

I. Tìm hiểu tri thức tiếng Việt

1. Dấu ngoặc kép

Xét ví dụ SGK/6

Từ “trả thù” trong câu trên là cách nói thể hiện sự đùa nghịch, vô tư của trẻ thơ.

→ Dấu ngoặc kép để đánh dấu cách hiểu một từ ngữ không theo nghĩa thông thường.

2. Văn bản và đoạn văn

a. Văn bản

- Là sản phẩm của hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ.
- Thường là tập hợp của các câu, đoạn.
- Hoàn chỉnh về nội dung và hình thức.
- Có tính liên kết chặt chẽ và nhằm đạt một mục tiêu giao tiếp nhất định.

b. Đoạn văn

- Là đơn vị trực tiếp tạo nên văn bản.
- Thường do nhiều câu tạo thành.
- Đặc điểm của đoạn văn:
 - + Biểu đạt một nội dung tương đối trọn vẹn.
 - + Bắt đầu từ chỗ viết hoa lùi vào đầu dòng và kết thúc bằng dấu câu dùng để ngắt đoạn.
 - + Có thể có câu chủ đề hoặc không có câu chủ đề. Câu chủ đề nêu ý chính trong đoạn. Câu chủ đề có thể đứng đầu hoặc cuối đoạn văn.

II. Thực hành Tiếng Việt



Bài tập 1 SGK/17



Từ trong ngoặc kép	Nghĩa thông thường	Nghĩa theo dụng ý của tác giả
liều mình như chẳng có	quyết hi sinh	hăng máu (chì con đế)
thăm thiết	thê thảm, thống thiết	trở trêu (tình huống của nhân vật)
trùm sò	người ích kỉ, luôn tìm cách thu lợi cho mình	ích kỉ (tính cách của trẻ con, được đặt trong ngoặc kép để giảm mức độ nghiêm trọng)
thu vén cá nhân	chăm lo cho lợi ích cá nhân của mình	ích kỉ (tính cách của trẻ con, được đặt trong ngoặc kép để giảm mức độ nghiêm trọng)
làm giàu	làm cho trở nên giàu có, nhiều của cải, tiền bạc	tích lũy thêm viên bi (hành động của nhân vật Lợi)



Bài 2 SGK/18



Gợi ý

- Không khí lớp 6A lúc nào cũng sôi nổi nhờ có Mai- “cây hài của lớp”.
- Ngọc “hoa hậu” lúc nào cũng điệu đà, xinh xắn.



20



HOẠT ĐỘNG: VIẾT NGẮN

Viết đoạn văn (khoảng 150 đến 200 chữ) kể về một kỉ niệm của em với người thân mà em xem là điểm tựa tinh thần của mình. Trong đoạn văn có sử dụng dấu ngoặc kép.

* Về hình thức: đảm bảo hình thức của đoạn văn, đúng dung lượng; đảm bảo quy tắc chính tả, cấu trúc câu; có sử dụng dấu ngoặc kép.

* Về nội dung: kể về một kỉ niệm của em với người thân mà em xem là điểm tựa tinh thần của mình.

- Giới thiệu về kỉ niệm.
- Kể diễn biến các sự kiện.
- Khẳng định tình cảm của bản thân.

BÀI HỌC TUẦN 19 HKI TOÁN 6 NĂM HỌC 2021-2022

BÀI 2: TÍNH CHẤT CƠ BẢN CỦA PHÂN SỐ

1. Tính chất 1:

Nếu nhân cả tử và mẫu của phân số với cùng một số nguyên khác 0 thì ta được một phân số mới bằng với phân số đã cho.

$$\frac{a}{b} = \frac{a.m}{b.m} (m \neq 0)$$

❖ Nhận xét:

- Có thể biểu diễn số nguyên ở dạng phân số với mẫu số (khác 0) tùy ý

$$a = \frac{a}{1} = \frac{a.m}{1.m} (m \neq 0)$$

- Ta có thể quy đồng hai phân số bằng cách nhân tử và mẫu của mỗi phân số với số nguyên thích hợp.

❖ **Chú ý :** Có thể quy đồng mẫu số của nhiều phân số bằng cách tìm mẫu số chung của nhiều phân số.

❖ Áp dụng:

Dạng 1: Tìm những phân số bằng với phân số đã cho:

$$a) \frac{21}{13}; \quad b) \frac{12}{-25}; \quad c) \frac{18}{-48}; \quad d) \frac{-42}{-24}$$

$$a) \frac{21}{13} = \frac{21.3}{13.3} = \frac{63}{39}$$

$$b) \frac{12}{-25} = \frac{12.(-2)}{(-25).(-2)} = \frac{-24}{50}$$

$$c) \frac{18}{-48} = \frac{18.(-1)}{-48.(-1)} = \frac{-18}{48}$$

$$d) \frac{-42}{-24} = \frac{-42.(-1)}{-24.(-1)} = \frac{42}{24}$$

Dạng 2: Quy đồng mẫu số của ba phân số $\frac{3}{4}$, $\frac{2}{5}$ và $\frac{-7}{3}$.

$$\text{BCNN}(4, 5, 3) = 3.4.5 = 60 \Rightarrow \text{MC} = 60$$

$$\frac{3}{4} = \frac{3.15}{4.15} = \frac{45}{60}$$

$$\frac{2}{5} = \frac{2.12}{5.12} = \frac{24}{60}$$

$$\frac{-7}{3} = \frac{-7.20}{3.20} = \frac{-140}{60}$$

2. Tính chất 2:

Nếu chia cả tử và mẫu của một phân số cho cùng một ước chung của chúng thì ta được một phân số mới bằng phân số đã cho.

$$\frac{a}{b} = \frac{a:n}{b:n} (n \in UC(a,b))$$

Thực hành 1: Rút gọn các phân số $\frac{-18}{76}; \frac{125}{-375}$

$$\begin{aligned} \frac{-18}{76} &= \frac{-18:2}{76:2} = \frac{-9}{38} \\ \frac{125}{-375} &= \frac{-125}{375} = \frac{125:75}{-375:75} = \frac{-3}{5} \end{aligned}$$

Thực hành 2: Viết phân số $\frac{3}{-5}$ thành phân số có mẫu dương.

$$\frac{3}{-5} = \frac{-3}{5}$$

Tổng quát: $\frac{a}{-b} = \frac{-a}{b} (a > 0)$

Chú ý: Mỗi phân số đều có nhiều phân số bằng nó.

❖ HƯỚNG DẪN BÀI TẬP VỀ NHÀ:

Bài 1: Dùng phân số có mẫu số dương nhỏ nhất để biểu thị xem phân số sau đây chiếm bao nhiêu phần của một giờ?

- a) 15 phút b) 20 phút
c) 45 phút d) 50 phút

a) 15 phút $= \frac{15}{60} = \frac{15:15}{60:15} = \frac{1}{4}$ giờ

Vậy 15 phút $= \frac{1}{4}$ giờ.

b) 20 phút $= \frac{20}{60} = \frac{20:20}{60:20} = \frac{1}{3}$ giờ

Vậy 20 phút $= \frac{1}{3}$ giờ.

c) 45 phút $= \frac{45}{60} = \frac{45:15}{60:15} = \frac{3}{4}$ giờ

Vậy 45 phút $= \frac{3}{4}$ giờ.

d) 50 phút $= \frac{50}{60} = \frac{50:10}{60:10} = \frac{5}{6}$ giờ

Vậy 50 phút $= \frac{5}{6}$ giờ.

Bài 2: Quy đồng mẫu số hai phân số:

a) $\frac{5}{-9}$ và $\frac{11}{27}$ b) $\frac{13}{24}$ và $\frac{7}{-30}$

a) $\frac{5}{-9} = \frac{-5}{9} = \frac{-5.3}{9.3} = \frac{-15}{27}$.

b) Ta có : $30.4 = 120 : 12 \Rightarrow MC = 120$

$$\begin{aligned} \frac{13}{24} &= \frac{13.5}{24.5} = \frac{65}{120} \\ \frac{7}{-30} &= \frac{-7}{30} = \frac{-7.4}{30.4} = \frac{-28}{120} \end{aligned}$$

Bài 3. Quy đồng mẫu số các phân số sau:

$$\frac{2}{-3}; \frac{5}{9} \text{ và } \frac{-7}{12}.$$

Ta có: $12 \cdot 3 = 36$ (36 chia hết cho 3 và 9) $\Rightarrow$ MC = 36

$$\frac{2}{-3} = \frac{-2}{3} = \frac{-2 \cdot 12}{3 \cdot 12} = \frac{-24}{36}$$

$$\frac{5}{9} = \frac{5 \cdot 4}{9 \cdot 4} = \frac{20}{36}$$

$$\frac{-7}{12} = \frac{(-7) \cdot 3}{12 \cdot 3} = \frac{-21}{36}$$

Bài 4. Rút gọn các phân số sau:

a) $\frac{-15}{20}$; b) $\frac{-450}{540}$; c) $\frac{-1515}{2020}$.

a) $\frac{-15}{20} = \frac{-15:5}{20:5} = \frac{-3}{4}$;

b) $\frac{-450}{540} = \frac{-450:90}{540:90} = \frac{-5}{6}$;

c) $\frac{-1515}{2020} = \frac{-1515:5}{2020:5} = \frac{-303}{404} = \frac{-303:101}{404:101} = \frac{-3}{4}$.

Bài 5. Dùng phân số với mẫu dương nhỏ nhất để viết các đại lượng dung tích sau theo lít:

a) 600 ml; b) 280 ml; c) 1300 ml; d) 970 ml.

a) $600 \text{ ml} = \frac{600}{1000} = \frac{600:200}{1000:200} = \frac{3}{5} \text{ lít}$.

b) $280 \text{ ml} = \frac{280}{1000} = \frac{280:40}{1000:40} = \frac{7}{25} \text{ lít}$

c) $1300 \text{ ml} = \frac{1300}{1000} = \frac{1300:100}{1000:100} = \frac{13}{10} \text{ lít}$

d) $970 \text{ ml} = \frac{970}{1000} = \frac{970:10}{1000:10} = \frac{97}{100} \text{ lít}$

Bài tập về nhà:

Bài 1. Quy đồng mẫu số các phân số sau:

a) $\frac{11}{-12}$ và $\frac{-17}{18}$; b) $\frac{-9}{15}$ và $\frac{17}{-20}$; c) $\frac{-5}{6}$; $\frac{-2}{5}$ và $\frac{7}{-12}$.

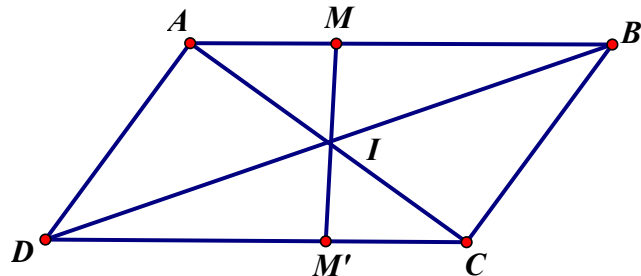
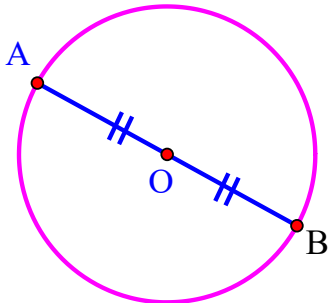
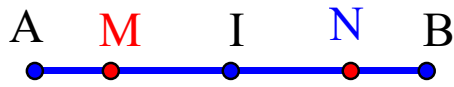
Bài 2. Viết các số sau thành các phân số có cùng mẫu số (chọn mẫu số chung là số dương nhỏ nhất nếu được):

a) -5 ; $\frac{17}{-20}$ và $\frac{-16}{9}$;

b) $\frac{13}{-15}$; $\frac{-18}{25}$ và -3 .

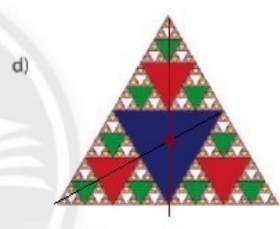
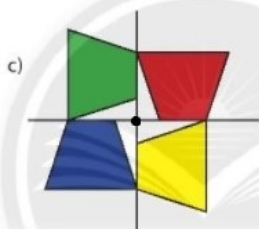
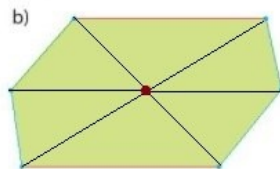
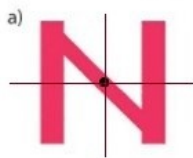
BÀI 2: HÌNH CÓ TÂM ĐỐI XỨNG

1. Hình có tâm đối xứng. Tâm đối xứng



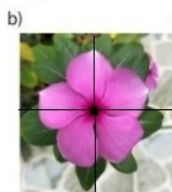
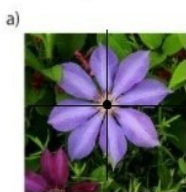
- Đoạn thẳng AB là hình có tâm đối xứng và tâm đối xứng của đoạn thẳng AB là trung điểm M của đoạn thẳng AB
- Đường tròn (O) là hình có tâm đối xứng và O là tâm đối xứng của đường tròn (O).
- Hình bình hành ABCD là hình có tâm đối xứng và giao điểm I của hai đường chéo là tâm đối xứng của hình bình hành ABCD.

Thực hành 1:



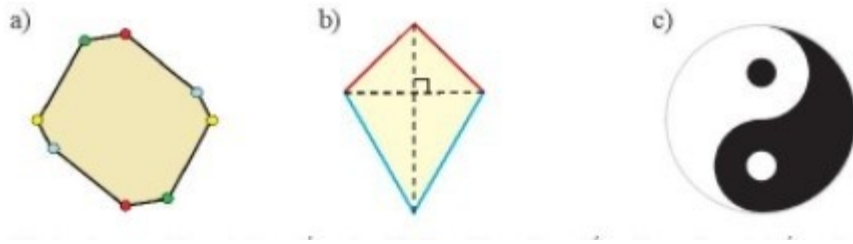
2. Nhận biết được những hình phẳng trong tự nhiên có tâm đối xứng

Thực hành 2:

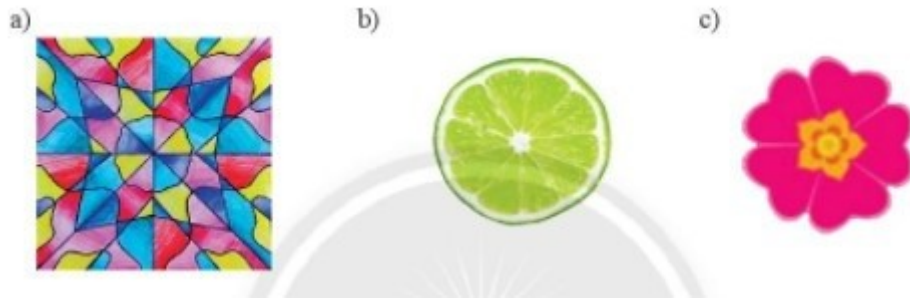


❖ HƯỚNG DẪN BÀI TẬP

Câu 1: Hãy tìm tâm đối xứng của các hình sau đây (nếu có):



Câu 2: Hình nào sau đây có tâm đối xứng, hãy chỉ ra tâm đối xứng của nó

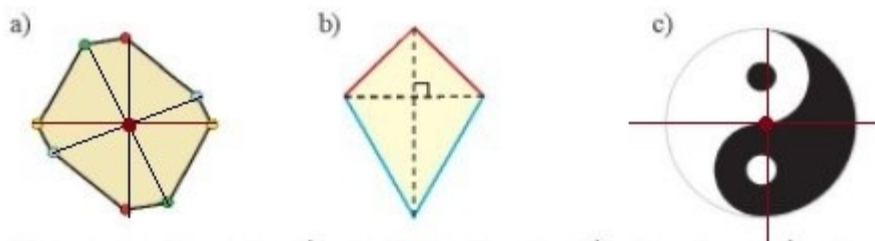


Câu 3: Chữ cái nào sau đây có tâm đối xứng? Chữ cái nào vừa có tâm đối xứng, vừa có trục đối xứng?

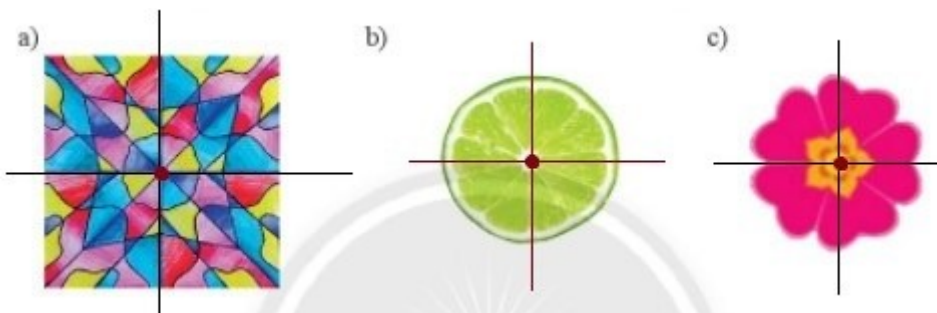
SAIGON

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, đưa ra câu trả lời:

Câu 1:



Câu 2:



Câu 3:

Những chữ cái có tâm đối xứng là: S, I, O, N

Chữ cái vừa có tâm đối xứng, vừa có trục đối xứng: S, I, O, N



Unit 6: Community services

Lesson 1:

*New words:

1. Train station (n): trạm xe lửa
2. Bus station (n): trạm xe buýt
3. Library (n): thư viện
4. Hospital (n): bệnh viện
5. Police station (n): đồn cảnh sát
6. Post office (n): bưu điện
7. Subway (n): Tàu điện ngầm
8. Movie theater (n): rạp chiếu phim
9. Mall (n): khu mua sắm

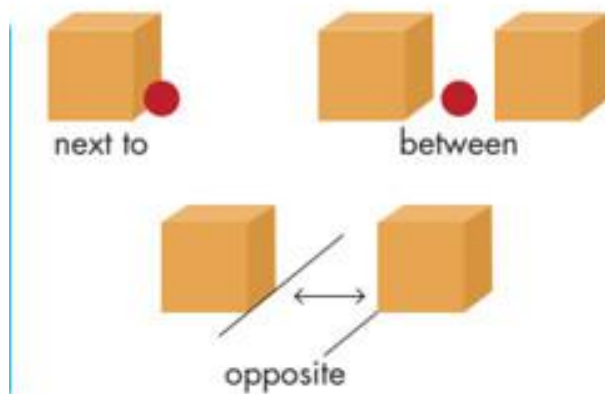
*Grammar:

I. Articles: a, an, the (Mạo từ a, an, the)

Ex: Is there **a** hospital near here?
Yes. There is **the** hospital on Oak street.

II. Prepositions of place (Giới từ chỉ nơi chốn)

- Next to: kế bên
- Near : gần
- Opposite: đối diện
- Betweenand.....: ở giữa



Exercises:

a. Rearrangement:

1. Train station/ Main street/ on/ is/ The/.

.....

2. Near/ Is there/ post office/ a/ here/?

.....

3. is/ the park/ next/ The library/ to/.

.....
4. the police station/ between/ My house/ the hospital/ is/ and/.
.....

5. opposite/ The movie theater/ the mall/ is/.
.....

b. Circle the correct words.

1. Molly: Excuse me, is there a/the post office near here?
2. Chris: Yes, a/the post office is on Garden Street.
3. It's opposite/between the movie theater.
4. Molly: Thanks. Oh, and is there a/the bus station near here?
5. Chris: Yes, a/the bus station is on Market Street.
6. It's next to/between the subway and the library.

c. Look at the map and

Ben: Excuse me, is the

Mary: Yes, it's between

(2) _____

Ben: Great! Is there a

Mary: Yes, (3) _____

Ben: Is there a bus sta

Mary: Yes, there is. (5)

(6) _____

Ben: Thank you for yo

Mary: You're welcom

BÀI 28: NẤM

1. Đặc điểm của nấm

- Nấm sống nơi ẩm ướt như đất ẩm, thức ăn, hoa quả,...
- Dựa vào cấu tạo, nấm chia làm 2 nhóm: nấm đơn bào, nấm đa bào.
- Dựa vào cơ quan sinh sản, nấm chia làm 2 nhóm:

	<i>Nấm đảm</i>	<i>Nấm túi</i>
Cơ quan sinh sản	Đảm bào tử	Túi bào tử
Bào tử	Mọc trên đảm	Nằm trong túi bào tử
Ví dụ	Nấm rơm, nấm sò,...	Nấm men, nấm mốc,...

- Ngoài ra, nấm còn chia thành 2 nhóm: nấm ăn được và nấm độc.

2. Vai trò của nấm

- Có lợi: tham gia phân hủy xác động vật, rác thải hữu cơ → làm sạch môi trường; làm thức ăn; làm thuốc; làm men nở; chế biến thực phẩm;...
- Có hại: Làm giảm năng suất vật nuôi, cây trồng; gây bệnh cho người (nấm da tay, viêm phổi,...)
- Các con đường truyền bệnh: tiếp xúc mầm bệnh, ô nhiễm môi trường, vệ sinh cá nhân chưa đúng cách.
- Biện pháp phòng chống: hạn chế tiếp xúc nguồn gây bệnh, vệ sinh môi trường, vệ sinh cá nhân thường xuyên.

III. Kỹ thuật trồng nấm: SGK/130.

Bài 29: THỰC VẬT

I. Đa dạng thực vật:

	Rêu (Thực vật bậc thấp)	Dương xỉ	Hạt trần (Thực vật bậc cao)	Hạt kín (Thực vật tiến hóa nhất)
Nơi sống	Âm ướt	Âm ướt	Trên cạn	Nước, trên cạn
Rễ, thân, lá	Chưa có rễ chính thức, chưa có mạch dẫn.	Có rễ, thân, lá hoàn chỉnh, đã có mạch dẫn.	Thân gỗ, lá kim, rễ cọc, có mạch dẫn.	Có rễ, thân, lá đa dạng, có mạch dẫn hoàn thiện.
Hoa, quả, hạt	Không có. Sinh sản bằng bào tử.	Không có. Sinh sản bằng bào tử	Không có hoa, quả. Cơ quan sinh sản là nón, có hạt nằm trên lá noãn.	Cơ quan sinh sản là hoa, hạt được bảo vệ trong quả.

TUẦN 19 TỪ NGÀY 10/1 - 15/1/2022

**BÀI 17. ĐẤU TRANH BẢO TỒN VÀ PHÁT TRIỂN VĂN HÓA DÂN TỘC THỜI
BẮC THUỘC**

1. Đấu tranh bảo tồn văn hóa dân tộc.

- Người Việt vẫn nghe - nói, truyền lại cho con cháu tiếng mẹ đẻ.
- Những tín ngưỡng truyền thống như thờ cúng tổ tiên, thờ các vị thần tự nhiên,... tiếp tục được duy trì.
- Những phong tục, tập quán như nhuộm răng, ăn trầu, búi tóc, xăm mình, làm bánh chưng, bánh giầy,...được duy trì.

2. Phát triển văn hóa dân tộc.

- Phật giáo, Đạo giáo du nhập vào nước ta thời kì này, hoà quyện cùng với tín ngưỡng dân gian.
- Chủ động tiếp thu chữ Hán nhưng vẫn sử dụng tiếng Việt, tạo cơ sở hình thành vốn từ Hán - Việt ngày càng phong phú và đặc sắc.
- Tiếp thu một số kĩ thuật tiên bộ của Trung Quốc như làm giấy, dệt lụa, kĩ thuật bón phân bắc trong trồng trọt,...



TUẦN 19 TỪ NGÀY 10/1 - 15/1/2022

**BÀI 11. THỰC HÀNH ĐỌC LƯỢC ĐỒ TỈ LỆ LỚN
VÀ LÁT CẮT ĐỊA LÝ ĐƠN GIẢN**

1. Đọc lược đồ địa hình tỉ lệ lớn

- Đường đồng mức là đường nối liền những điểm có cùng độ cao.
- Các đường đồng mức càng gần nhau=> địa hình càng dốc và ngược lại.
- Cách đọc lược đồ địa hình tỉ lệ lớn:
 - + Xác định khoảng cách độ cao giữa các đường đồng mức.
 - + Căn cứ vào đường đồng mức, tính độ cao của các điểm trên lược đồ.
 - + Căn cứ độ gần hay xa giữa các đường đồng mức để biết được độ dốc địa hình.
 - + Tính khoảng các thực tế giữa các điểm dựa vào tỉ lệ lược đồ.

2. Lát cắt địa hình

- Cách đọc:
 - + Xác định được điểm bắt đầu và điểm cuối của lát cắt.
 - + Xác định hướng và đặc điểm địa hình thể hiện trên lát cắt.
- => mô tả đặc điểm của địa hình và tính khoảng cách giữa các địa điểm.



Trường THCS Trần Văn Quang Q Tân Bình
BÀI GHI LỚP 6 MÔN GD&CD

Tuần 19 (10/01 – 15/01/2022)

Bài 7: ỨNG PHÓ VỚI TÌNH HUỐNG NGUY HIỂM (Tiết 1)

I. Khởi động : HS tự nghiên cứu/SGK

II. Khám phá:

1. Thế nào là tình huống nguy hiểm :

Là những tình huống có thể gây ra những tổn hại về thể chất, tinh thần cho con người và xã hội

2. Các tình huống nguy hiểm thường gặp như :

Bão, lũ, mưa dông, sấm sét, bắt cóc, xâm hại, đuối nước, cháy nổ...

3. Biện pháp ứng phó tình huống nguy hiểm :

- Luôn bình tĩnh, tìm kiếm sự giúp đỡ
- Trường hợp đối đầu nguy hiểm cần chạy trốn, kêu cứu, đánh mạnh vào chỗ yếu kẻ xấu để thoát thân

III. Luyện tập:

- HS làm các bài tập SGK
- Xử lý bài tập tình huống

IV. Dặn dò:

- Học bài 7 và làm BT/SGK và BT tình huống.
- Soạn bài 7: Ứng phó với môi trường tự nhiên (tiếp theo)

BÀI TẬP

1/ Nêu các nguyên nhân dẫn đến không khí nóng bức khó chịu, bụi bặm ?

Trả lời :

Do con người hàng ngày thải ra nhiều khí độc hại từ xe cộ, đồ điện tử, nhà máy xí nghiệp, xả rác, chặt phá cây xanh...

2/ Cách nào để hạn chế không khí nóng bức, bụi bặm trong nhà và khi ra ngoài đường ?

Trả lời ;

Thường xuyên quét dọn, tăng cường nhiều cây xanh, khi ra đường nên che chắn kỹ...

3/ Hãy nhận xét sự nguy hiểm có thể xảy ra và cách xử lý của mỗi nhân vật trong các tình huống dưới đây:

a) Thấy chuông báo cháy của chung cư vang lên, Hằng chạy ngay rat thang máy để thoát hiểm

b) Trời nắng nóng, sau khi chơi đá bóng, các bạn rủ nhau xuống sông tắm nhưng Nam từ chối và khuyên các bạn không nên tắm sông

c) Hòa vẫn lội qua suối để về nhà dù trời đang mưa to và có thể xảy ra lũ quét

Trả lời : HS dựa bài kiến thức đã học và đưa ra cách xử lý phù hợp.

Trường THCS Trần Văn Quang

Tuần 3 - HK2 (Từ 10/01/22 đến 16/01/2022)

Môn : Công nghệ 6

BÀI 7 : TRANG PHỤC

I. Trang phục và vai trò của trang phục

1. Trang phục là gì?

- Trang phục bao gồm áo quần và một số phụ kiện khác đi kèm như khăn quàng, thắt lưng, giày, vớ...

2. Vai trò của trang phục

- Trang phục có chức năng bảo vệ cơ thể và làm đẹp cho con người.
- Trang phục thể hiện phần nào cá tính, nghề nghiệp và trình độ văn hóa của người mặc.

II. Các loại trang phục: có 4 loại

- Trang phục theo thời tiết
- Trang phục theo công dụng
- Trang phục theo lứa tuổi
- Trang phục theo giới tính.

III. Lựa chọn trang phục

1 Chọn vải, kiểu may phù hợp với vóc dáng

a. Tìm hiểu về vóc dáng:

- + Người cân đối
- + Người cao gầy
- + Người thấp, bé
- + Người béo, lùn

b. Ảnh hưởng của vải và kiểu may đến vóc dáng:

- Tạo cảm giác gầy đi, cao lên : vải màu tối, trơn phẳng, mờ đục , sọc dọc, hoa văn nhỏ, đường nét dọc theo thân áo, kiểu may thẳng suông...

- Tạo cảm giác béo ra, thấp xuống: vải màu sáng, thô xốp bóng láng, sọc ngang , hoa to, đường nét ngang thân áo , kiểu may rộng, rút dún , có xếp li, có dún bèo...

2 Chọn vải, kiểu may phù hợp với lứa tuổi

- Trẻ em : vải mềm , hút mồ hôi, màu sắc tươi sáng, hoa văn sinh động , kiểu đơn giản , rộng vừa phải.
- Thanh, thiếu niên: đa dạng , phong phú về màu sắc, hoa văn, kiểu may.
- Người lớn tuổi : màu sắc, hoa văn, kiểu may trang nhã, lịch sự.

CHỦ ĐỀ : LỄ HỘI QUÊ HƯƠNG

Bài 1: Hội Xuân Quê Hương

1. Tạo dáng theo hoạt động của lễ hội

- Nhớ lại hoạt động trong lễ hội quê hương,
- + Nêu tên lễ hội địa điểm diễn ra hoạt động trong lễ hội:
- + Thể hiện tư thế , động tác của nhân vật trong lễ hội

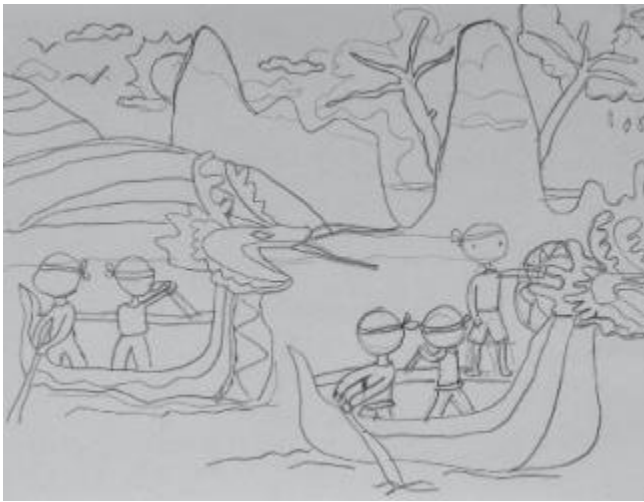


2. Cách vẽ tranh đề tài lễ hội quê hương

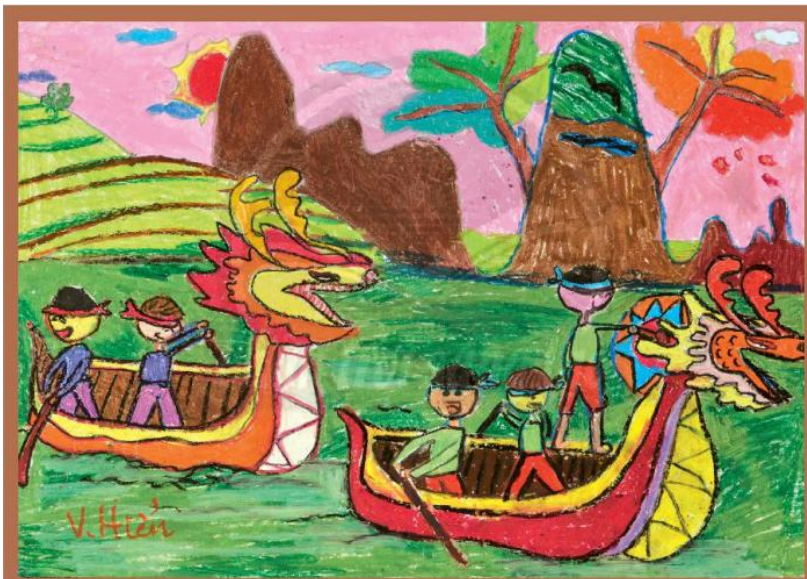
- Phác thảo sơ lược mảng chính phụ



- Vẽ chi tiết hình ảnh hoạt động của nhân vật



- Vẽ màu tạo cảm giác vui tươi và không khí nhộn nhịp của lễ hội.



3. Tạo bức tranh đề tài lễ hội quê hương

- Lựa chọn hoạt động tiêu biểu và khung cảnh của lễ hội.

- Thực hiện bức tranh theo ý thích và cảm nhận riêng



MÔN ÂM NHẠC – NGHỆ THUẬT 6

Lớp 6 / Tuần 2/ Học Kỳ 2: Từ ngày 10//01 đến 15 /01/2022.

Tiết 2: Nhạc cụ

- Nhạc cụ tiết tấu: Bài thực hành số 4
- Nhạc cụ giai điệu: Bài thực hành số 4



I. Nhạc cụ tiết tấu: Bài thực hành số 4

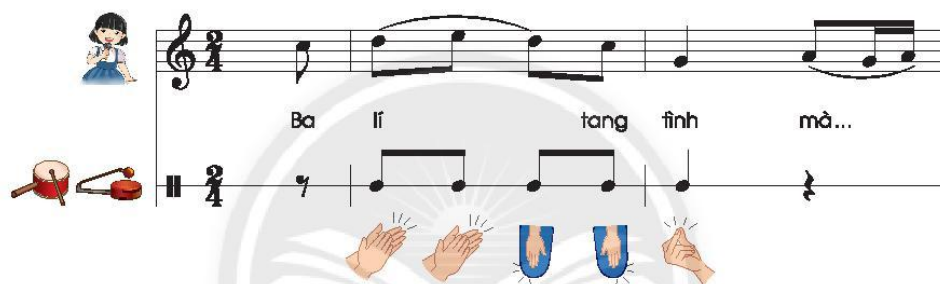
1. Nhận xét các mẫu tiết tấu dưới đây:



2. Luyện tập hai mẫu tiết tấu trên với nhạc cụ gõ theo các bước sau:

- Đọc tiết tấu
- Gõ tiết tấu

3. Gõ đệm cho bài *Hò ba lí* theo mẫu dưới đây:



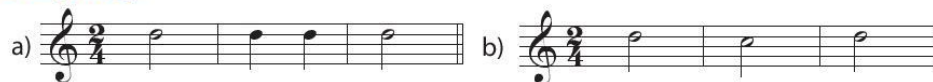
II. Sáo recorder: Luyện tập thổi nốt Rê cùng các nốt Si, La, Son

1. Cách bấm nốt Rê



Nốt Rê: Bấm lỗ 2

2. Luyện tập



Bài thực hành số 4

Moderato (vừa phải)



TIN HỌC 6
TUẦN 3 (HKII) (10/01/202 ĐẾN 15/01/2022)

CHỦ ĐỀ C. TỔ CHỨC LƯU TRỮ, TÌM KIẾM VÀ TRAO ĐỔI THÔNG TIN
Bài 5. GIỚI THIỆU THƯ ĐIỆN TỬ

1. Thư điện tử

- Thư điện tử (gmail) là phương tiện gửi và nhận thông điệp qua mạng máy tính.
- Thông điệp thư là văn bản số hóa và có thể đính kèm tệp.
- Tài khoản Gmail có 2 phần: địa chỉ và địa chỉ dịch vụ gmail.
- Cấu trúc chính trong cấu trúc mẫu của thư điện tử gồm:
 - + *Địa chỉ email (bắt buộc có)*
 - + *Chủ đề email (không bắt buộc)*
 - + *Nội dung email (không bắt buộc)*
 - + *Tệp đính kèm (không bắt buộc).*

2. Lợi ích của thư điện tử

- Soạn và gửi rất nhanh, gửi bất cứ đâu miễn có kết nối mạng.
- Có nhiều dịch vụ được cung cấp miễn phí
- Tiết kiệm chi phí, bảo vệ môi trường.
- Có thể gửi một thư cho nhiều người cùng lúc.
- Có thể gửi kèm lượng thông tin lớn và đa dạng.

3. Mặt trái và lưu ý của thư điện tử

- Thư có thể chứa virus khiến máy tính và các thiết bị điện tử nhiễm virus.
- Gặp phải thư giả mạo, thư lừa đảo
- Thư rác gửi tới nhiều mất thời gian, công sức lọc bỏ...

4. Sử dụng thư điện tử

a. Tạo tài khoản thư điện tử

- + B1: Mở trang web <http://mail.google.com/gmail/>
- + B2: Nháy chuột vào địa chỉ liên kết Tạo tài khoản để mở trang web đăng kí hộp thư mới.
- + B3: Khai báo các thông tin cần thiết vào mẫu đăng kí như tên truy cập, mật khẩu, ...
- + B4: Theo các chỉ dẫn tiếp để hoàn thành việc đăng kí hộp thư.

b. Đăng nhập, nhận và gửi thư

*** Đăng nhập**

- + B1: Mở lại trang chủ của website thư điện tử (<http://mail.google.com/gmail/>)
- + B2: Gõ tên truy cập và mật khẩu;
- + B3: Nháy chuột vào nút Đăng nhập để mở hộp thư.

*** Nhận thư:**

- + B1: Nháy chuột vào Hộp thư đến để xem danh sách các thư;
- + B2: Nháy chuột vào phần tiêu đề của thư muốn đọc.

***Gửi thư:**

- + B1: Nháy chuột vào Soạn thư để soạn một thư mới;
- + B2: Gõ địa chỉ người nhận vào ô Người nhận;
- + B3: Soạn nội dung thư;
- + B4: Nháy chuột vào nút Gửi để gửi thư.